

Số: /GPMT-KKT Khánh Hòa, ngày tháng năm 2025

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÂN PHONG TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết 55/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường đối với dự án đầu tư trong Khu kinh tế (KKT) Vân Phong và các khu công nghiệp (KCN) thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2848/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường đối với dự án đầu tư trong KKT Vân Phong và các KCN thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 02/CV-SV ngày 08/02/2025 và Văn bản số 03/2025/CV-SV ngày

24/02/2025 của Công ty TNHH Seyoung Vina về chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án Nhà máy Seyoung Vina và hồ sơ kèm theo;  
Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Xây dựng và Môi trường.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Seyoung Vina, địa chỉ tại Lô CN13, KCN Ninh Thủy, phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy Seyoung Vina tại Lô CN13 và một phần CN12, KCN Ninh Thủy, phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy Seyoung Vina.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN13 và một phần CN12, KCN Ninh Thủy, phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 4201767853 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa (nay là Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa) đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 11 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 15 tháng 11 năm 2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 7606666215 do Ban quản lý KKT Vân Phong tỉnh Khánh Hòa chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 11 năm 2017, chứng nhận thay đổi lần thứ 06 ngày 10 tháng 10 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 4201767853.

1.5. Loại hình sản xuất: gia công, lắp đặt cụm khoang máy, module, bộ phận nguyên cụm, các loại ống, cấu kiện thép của tàu phục vụ đóng mới và phục vụ các dự án công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích: 40.081,5m<sup>2</sup>.

- Nhóm dự án: dự án đầu tư có tiêu chí như dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Công suất: 7.000 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất: kiểm tra vật tư → lấy dầu → cắt ống → mài vát mép ống và phụ kiện → đấu nối → hàn → kiểm tra → thử áp lực → làm sạch bề mặt → lưu kho → đóng gói.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Seyoung Vina (*Công ty*) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp đối với các thông tin, số liệu liên quan đến dự án đầu tư được nêu tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp phép.

*(Giấy phép môi trường số 02/GPMT-KKT cấp ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Ban quản lý KKT Vân Phong cấp cho Nhà máy Seyoung Vina tại KCN Ninh Thủy hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực).*

**Điều 4.** Giao Phòng Quản lý Xây dựng và Môi trường tham mưu tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Đ/c Trưởng ban (để báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND thị xã Ninh Hòa;
- UBND phường Ninh Thủy;
- Công ty TNHH Seyoung Vina;
- Công ty CP Hoàn Cầu Vân Phong;
- Công Thông tin điện tử của Ban quản lý;
- Phòng QLĐTDN;
- Lưu: VT, QLXDMT, NKT, 12.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Lê Hồng Phương**

## Phụ lục 1

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI** (Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-KKT ngày... tháng ... năm 2025 của Ban quản lý KKT Vân Phong)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Ninh Thủy theo Văn bản số 03/PLHĐKCN/HCVP được ký kết giữa Công ty CP Hoàn Cầu Vân Phong (Chủ đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN Ninh Thủy) và Công ty TNHH Seyoung Vina ngày 26/5/2023, nước thải không xả trực tiếp ra môi trường).

#### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

##### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh tại khu vực nhà ăn được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn thiết kế chống thấm, kích thước 10,2 m<sup>3</sup> (3,4m x 2m x 1,5m) để xử lý sơ bộ, sau đó thoát vào đường ống thu gom HDPE D150, đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh tại khu vực văn phòng được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn thiết kế chống thấm, kích thước 10,2 m<sup>3</sup> (3,4m x 2m x 1,5m) để xử lý sơ bộ, sau đó thoát vào đường ống thu gom HDPE D150, đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh tại khu vực xưởng gia công thép carbon được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn thiết kế chống thấm, kích thước 10,2 m<sup>3</sup> (3,4m x 2m x 1,5m) để xử lý sơ bộ, sau đó thoát vào đường ống thu gom HDPE D150, đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh tại khu vực xưởng xử lý thụ động hóa inox được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn thiết kế chống thấm, kích thước 10,2 m<sup>3</sup> (3,4m x 2m x 1,5m) để xử lý sơ bộ, sau đó thoát vào đường ống thu gom HDPE D150, đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ khu bếp tại khu vực nhà ăn được thu gom về bể tách dầu mỡ dung tích 200 lít để xử lý sơ bộ, sau đó thoát vào đường ống thu gom HDPE D150, đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải vệ sinh sàn nhà vệ sinh, lavabo tại khu vực nhà ăn, văn phòng, xưởng gia công thép carbon và xưởng xử lý thụ động hóa inox thu gom vào đường ống thu gom HDPE D150, đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sản xuất từ quá trình xử lý bề mặt tại xưởng xử lý thụ động hóa inox được thu gom vào bể thu gom 80m<sup>3</sup> bằng mương thoát nước thải hở có tấm đan thép, kích thước 300mm x 300mm, chiều dài 74m, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sản xuất từ quá trình xử lý bề mặt tại xưởng xử lý phủ phosphat được thu gom vào bể thu gom 50m<sup>3</sup> bằng mương thoát nước thải hở có tấm đan thép, kích thước 300mm x 300mm, chiều dài 110m, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sản xuất từ công đoạn thử áp tại xưởng thử áp lực được thu gom vào bể thu gom 50m<sup>3</sup> bằng mương thoát nước thải hở có tấm đan thép, kích thước 150mm x 150mm, chiều dài 58m, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Ninh Thủy được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Ninh Thủy tại 01 điểm đầu nối có tọa độ: X = 1383214,29; Y = 607480,13 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108<sup>o</sup>15', múi chiếu 3<sup>o</sup>).

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

### 1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Ninh Thủy.

- Công suất thiết kế: 25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine (hoặc hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại KCN Ninh Thủy).

### 1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể keo tụ lắng bùn → Bể lọc trọng lực → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Ninh Thủy.

- Công suất thiết kế: 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Al<sub>2</sub>(SO<sub>4</sub>)<sub>3</sub> (hoặc hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại KCN Ninh Thủy).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị và các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện sự cố.

+ Trang bị các phương tiện, thiết bị, máy phát điện dự phòng cần thiết để phòng ngừa, ứng phó, khắc phục khi hệ thống xử lý xảy ra sự cố.

+ Bố trí nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải có kinh nghiệm.

- Quy trình ứng phó sự cố:

+ Khi nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải phát hiện hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, tiến hành đóng van xả nước thải từ hệ thống xử lý ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Ninh Thủy; tắt dừng bơm; khẩn trương thông báo cho cấp có thẩm quyền biết; tiến hành khắc phục sự cố hệ thống xử lý nước thải sớm nhất; toàn bộ nước thải sẽ được lưu giữ tạm thời trong hệ thống xử lý, cụ thể:

+ Đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: lưu chứa tạm thời tại bể thu gom, bể điều hòa và các công trình khác trong hệ thống.

+ Đối với hệ thống xử lý nước thải sản xuất: lưu chứa tạm thời tại 02 bể thu gom 50 m<sup>3</sup> và 80 m<sup>3</sup>.

- Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải lưu chứa tại các bể sẽ được bơm lại hệ thống xử lý nước thải để xử lý đạt theo tiêu chuẩn đầu nối với KCN Ninh Thủy trước khi đưa về hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN.

- Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài, hệ thống xử lý nước thải không đảm bảo cho việc lưu chứa nước thải trong quá trình khắc phục sự cố, phải thỏa thuận ký hợp đồng chuyển giao toàn bộ lượng nước thải cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (*Chủ dự án phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm về Ban quản lý KKT Vân Phong trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm*).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Tại vị trí bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải.

+ Tại vị trí sau bồn lọc áp lực của hệ thống xử lý nước thải.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

+ Tại vị trí 02 bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải.

+ Tại vị trí sau bồn lọc trọng lực của hệ thống xử lý nước thải.

### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo đáp ứng theo tiêu chuẩn đầu nổi của KCN Ninh Thủy.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (*việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải*).

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải; đầu nổi hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Ninh Thủy.

3.2. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ Nhà máy đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nổi của KCN Ninh Thủy trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Ninh Thủy.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, thực hiện đầy đủ các trách nhiệm theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình xử lý nước thải; đầu tư đầy đủ trang thiết bị, máy móc để ứng phó trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố.



**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,**  
**XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-KKT ngày... tháng ... năm 2025  
của Ban quản lý KKT Vân Phong)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: lò hơi đốt dầu DO.
- Nguồn số 02: hệ thống phun bi.
- Nguồn số 03: hệ thống phun sơn số 01.
- Nguồn số 04: hệ thống phun sơn số 02.
- Nguồn số 05: hệ thống phun sơn số 03.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

**2.1. Vị trí xả khí thải:**

<b>Thông tin về dòng xả khí thải</b>	<b>Tọa độ vị trí xả khí thải</b> <i>(theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108<sup>o</sup>15, múi chiều 3<sup>o</sup>)</i>	
	<b>X (m)</b>	<b>Y (m)</b>
Dòng khí thải số 01: tương ứng với ống khói lò hơi đốt dầu DO (thoát khí thải từ nguồn số 01).	1383039	607429
Dòng khí thải số 02: tương ứng với ống thải sau khi xử lý từ hệ thống phun bi (thoát khí thải từ nguồn số 02).	1383104	607447
Dòng khí thải số 03: tương ứng với ống thải sau khi xử lý từ hệ thống phun sơn số 01 (thoát khí thải từ nguồn số 03).	1383153	607468
Dòng khí thải số 04: tương ứng với ống thải sau khi xử lý từ hệ thống phun sơn số 02 (thoát khí thải từ nguồn số 04).	1383134	607461
Dòng khí thải số 05: tương ứng với ống thải sau khi xử lý từ hệ thống phun sơn số 03 (thoát khí thải từ nguồn số 05).	1382979	607538

- Địa chỉ: Lô CN13, KCN Ninh Thủy, phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: 1.600 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: 96.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 03: 96.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 04: 96.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 05: 35.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn (thời gian tối đa 16 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; K<sub>p</sub>= 0,8; K<sub>v</sub>= 0,8) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
<b>I. Dòng khí thải số 02</b>					
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	Áp suất	hPa	-		
3	Nhiệt độ	°C	-		
4	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	128 (*)		
<b>II. Dòng khí thải số 03 và 04, 05</b>					
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	Áp suất	hPa	-		
3	Nhiệt độ	°C	-		
4	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	128 (*)		
5	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	870 (**)	01 năm/lần	
6	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	750 (**)		
7	Styren	mg/Nm <sup>3</sup>	100 (**)		
Đối với dòng khí thải số 01: nhiên liệu dầu DO sử dụng cho lò hơi phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật.					

**Lưu ý:**

- (\*): Giá trị giới hạn theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, hệ số  $K_p = 0,8$ ,  $K_v = 0,8$ ).
- (\*\*): Giá trị giới hạn theo QCVN 20:2009/BTNMT.
- Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường phải đáp ứng theo quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:****1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom, thoát ra môi trường không khí bằng ống khói đường kính D350, chiều cao 8m tính từ mặt đất.
- Nguồn số 02: bụi từ hệ thống phun bi sau khi qua hệ thống xử lý bụi phun bi sẽ thoát ra môi trường không khí bằng ống thải đường kính D1.600, chiều cao 8m tính từ mặt đất.
- Nguồn số 03: bụi, khí thải sau khi xử lý qua hệ thống phun sơn số 01 sẽ thoát ra môi trường không khí bằng ống thải đường kính D1.600, chiều cao 8m tính từ mặt đất.
- Nguồn số 04: bụi, khí thải sau khi xử lý qua hệ thống phun sơn số 02 sẽ thoát ra môi trường không khí bằng ống thải đường kính D1.600, chiều cao 8m tính từ mặt đất.
- Nguồn số 05: bụi, khí thải sau khi xử lý qua hệ thống phun sơn số 03 sẽ thoát ra môi trường không khí bằng ống thải đường kính D700, chiều cao 12m tính từ mặt đất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi phun bi:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Quạt hút → Tủ sàng → Tủ bụi vệ sinh hạt → Tủ hút bụi (03 tủ hút bụi) → Ống thoát D1.600 → Môi trường không khí.
- Công suất thiết kế: 96.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Hóa chất sử dụng: không sử dụng.

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi phun sơn số 01, 02 (với quy trình công nghệ, công suất thiết kế giống nhau):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Quạt hút → Màng lọc (polyester) → Hệ thống giảm âm → Ống thoát D1.600 → Môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: 96.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất sử dụng: không sử dụng.

1.2.3. Hệ thống xử lý bụi phun sơn số 03:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Chụp hút có gắn tấm lọc bụi → Ống dẫn khí → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí → Môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: 35.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất sử dụng: không sử dụng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Đầu tư thiết kế hệ thống xử lý khí thải phù hợp với công suất, lưu lượng phát thải nhằm tránh tình trạng quá tải của hệ thống xử lý.

+ Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc để bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

+ Dự phòng các bộ phận, thiết bị dễ bị hư hỏng để có thể thay thế kịp thời.

+ Tuân thủ các yêu cầu về bảo dưỡng định kỳ của nhà cung cấp thiết bị.

+ Đào tạo đội ngũ nhân viên có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành, có khả năng sửa chữa, khắc phục nếu có sự cố xảy ra; tổ chức giám sát vận hành hàng ngày, tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý khí thải.

- Quy trình ứng phó sự cố: Trường hợp bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các hệ thống thiết bị xử lý không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này thì phải ngừng ngay hoạt động sản xuất tại công đoạn phát sinh bụi, khí thải; tiến hành sửa chữa, khắc phục hệ thống xử lý kịp thời; chỉ hoạt động lại sau khi khắc phục xong sự cố, bảo đảm khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quy định trước khi thải ra môi trường.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (*Chủ dự án phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm về Ban quản lý KKT Vân Phong trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm*).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý bụi của hệ thống phun bi: công suất thiết kế 96.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải của hệ thống phun sơn số 01: công suất thiết kế 96.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải của hệ thống phun sơn số 02: công suất thiết kế 96.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải của hệ thống phun sơn số 03: công suất thiết kế 35.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại ống thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải (theo vị trí được cấp phép tại phần A phụ lục này).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải sau xử lý; đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc bụi, khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (*việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý khí thải*).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức công trình xử lý bụi, khí thải.

3.3. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý, thực hiện đầy đủ các trách nhiệm theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình xử lý bụi, khí thải; đầu tư đầy đủ trang thiết bị, máy móc, vật liệu để ứng phó trong trường hợp hệ thống xử lý khí thải xảy ra sự cố.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ**  
**CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-KKT ngày... tháng ... năm 2025  
của Ban quản lý KKT Vân Phong)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: khu vực thực hiện gia công cơ khí trong Xưởng gia công thép Carbon.
- Nguồn số 02: khu vực thực hiện gia công cơ khí trong Xưởng gia công thép Inox.
- Nguồn số 03: khu vực thực hiện gia công cơ khí trong Xưởng gia công thép Carbon (Xưởng mở rộng).
- Nguồn số 04: khu vực đặt máy phun bi trong Xưởng bắn bi.
- Nguồn số 05: khu vực hệ thống phun sơn số 01 trong Xưởng sơn.
- Nguồn số 06: khu vực hệ thống phun sơn số 02 trong Xưởng sơn.
- Nguồn số 07: khu vực hệ thống phun sơn số 03 trong Xưởng sơn mở rộng.

Nguồn phát sinh	Tọa độ vị trí (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108 <sup>0</sup> 15, múi chiều 3 <sup>0</sup> )	
	X (m)	Y (m)
Nguồn số 01	1383092	607596
Nguồn số 02	1383104	607447
Nguồn số 03	1383044	607632
Nguồn số 04	1383151	607485
Nguồn số 05	1383139	607463
Nguồn số 06	1383116	607453
Nguồn số 07	1382991	607509

**3. Tiếng ồn, độ rung:** phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

## 3.1. Tiếng ồn:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

## 3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 phần A Phụ lục này.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo động cơ hoạt động ổn định.
- Bổ sung việc trồng, bố trí cây xanh xung quanh trong khuôn viên của nhà máy theo đúng quy định.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ**  
**SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-KKT ngày... tháng ... năm 2025  
của Ban quản lý KKT Vân Phong)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/ năm)
1	Bùn thải từ hệ thống thu gom, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp có các thành phần nguy hại	12 06 06	15.000
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc thải bỏ từ quá trình xử lý khí thải, giặt lau thấm dầu có thành phần nguy hại	18 02 01	550
3	Thùng sơn kim loại thải rỗng	18 01 02	15.000
4	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 01 01	15.000
5	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	200
6	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	07 04 02	200
7	Hộp mực in thải	08 02 04	10
8	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	10
9	Bao bì mềm thải đựng hóa chất	18 01 01	70
10	Bao bì cứng thải đựng hóa chất bằng nhựa	18 01 03	450
11	Bình ắc quy chì thải	19 06 01	10
12	Than hoạt tính thải từ hệ thống xử lý khí thải	02 11 02	820
	<b>Tổng số lượng</b>		<b>47.320</b>



1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Phế liệu trong quá trình sản xuất (sắt thép dư thừa, giấy, nhựa, thùng carton,...)	71.760
2	Bụi bi thép thải từ quá trình phun bi	45.000
3	Dầu mỡ từ bể tách mỡ (hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo từ quá trình phân tách dầu/nước)	200
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	200
5	Bùn thải nạo vét hệ thống thoát nước mưa	100
<b>Tổng cộng</b>		<b>117.260</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	88
<b>Tổng cộng</b>		<b>88</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa 120 lít có nắp đậy.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại:

+ Diện tích: 50 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo: có nền bê tông, mặt sàn bảo đảm kín khít không bị thấm thấu, có gờ, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, tường tôn, kèo thép, mái tôn, có cửa ra vào, có thiết bị phòng cháy chữa cháy. Kho chứa được dán biển cảnh báo, phân loại và dán nhãn chất thải nguy hại theo đúng quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: bao nhựa (riêng đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, lưu chứa tại bể chứa bùn xây bằng gạch, chống thấm, loại bể chìm).

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

+ Diện tích: 30 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo: có mái che, nền bê tông không bị thấm thấu, có cao độ nền đảm bảo nước mưa không chảy tràn vào, có cửa ra vào và dán nhãn.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: các thùng chứa dung tích 05 lít, 15 lít, 1.000 lít.

2.3.2. Kho lưu chứa:

+ Diện tích: 40 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo: có nền bê tông, mặt sàn bảo đảm kín khí không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, mái tôn, có cửa ra vào và dán nhãn.

2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường khác đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định. Nội dung kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phải phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; tổ chức công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 5**

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-KKT ngày...tháng ... năm 2025 của Ban quản lý KKT Vân Phong)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:** không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:** không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý toàn bộ lượng khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2. Đảm bảo việc phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện công khai thông tin về giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND phường Ninh Thủy (nơi thực hiện dự án) theo quy định tại Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.

4. Tổ chức thực hiện việc báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; gửi kết quả báo cáo định kỳ về Ban quản lý KKT Vân Phong, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND thị xã Ninh Hòa và Công ty CP Hoàn Cầu Vân Phong với thời hạn là trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo.

5. Trường hợp các văn bản pháp luật áp dụng tại Giấy phép môi trường được điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế thì Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định pháp luật mới ban hành.